TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 288/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 10 – 7 – 2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Thái Hoàng Bo

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Bích Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Chí N - Sinh năm 1970 (Có mặt).

Cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Mai Mỹ T - Sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ông Trương Chí N (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2015 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và sống ly thân từ năm 2025 đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- *Về con chung:* Ông Trương Chí N xác định trong thời gian chung sống không có con chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Trương Chí N xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Trương Chí N xác định trong thời gian chung sống ông và bà T không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Mai Mỹ T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của ông N nhưng bà T không có ý kiến. Tòa án thông báo để bà T

tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bà T vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa ông, bà được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T Mỹ T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Ông N và bà T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2015 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông N và bà T được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại đơn khởi kiện, ông N xin được ly hôn với bà T, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, đã có thời gian sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử bà T không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của ông N, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông N và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của ông N, cho ông N được ly hôn với bà T là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Trương Chí N xác định trong thời gian chung sống bà và bà T không có con chung, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Ông Trương Chí N xác định trong thời gian chung sống bà và bà T không có tài sản chung, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ông Trương Chí N xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà T vắng mặt không có ý kiến về con chung, tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Chí N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí N.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trương Chí N được ly hôn với bà Mai Mỹ T.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Chí N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Trương Chí N có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003606 ngày 03 – 4 – 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, sau khi đối trừ ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Mai Mỹ T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 71 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Trương Chí N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Mai Mỹ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt